

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2025/DS-ST
Ngày: 22 - 4 - 2025
V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Liêm, ông Trần Thanh Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1177/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (B); địa chỉ trụ sở: T, số A, đường T, quận H, thành phố Hà Nội, là nguyên đơn.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Phan Đức T; Chức vụ - Chủ tịch Hội đồng quản trị, là đại diện theo pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn Bé T1, chức vụ: Giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh A; bà Trần Ngô Minh T2; chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch huyện C, tỉnh An Giang; ông Nguyễn Phước Đ, chức vụ: Chuyên viên phòng quản lý khách hàng phòng giao dịch huyện C, tỉnh An Giang, là đại diện theo ủy quyền; (các ông, bà Phan Đức T, Nguyễn Văn Bé T1, Trần Ngô Minh T2, vắng mặt; ông Nguyễn Phước Đ vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Hồ Như T3, sinh năm 1989, địa chỉ cư trú: số C, đường cặp rạch C, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25-01-2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh A - Phòng G (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) với bà Hồ Như T3 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14989967/HĐTD mục đích vay vốn. Theo đó, Ngân hàng cho bà T3 vay số tiền 60.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất trong hạn 10,5%/năm (được áp dụng tới ngày 31-3-2021) và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày 01-04 và 01-10 hàng năm theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lịch trả nợ gốc: bên vay có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T4 48 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) vào ngày 15 hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng là: từ tháng 02-2021 đến tháng 12-2024 trả số tiền 1.250.000 đồng; riêng kỳ cuối ngày 27-01-2025 trả số tiền 1.250.000 đồng; lịch trả lãi hàng tháng: vào ngày 15 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho bà T3 nhận đủ số tiền vay 60.000.000 đồng vào ngày 02-02-2021. Về tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay, cho vay theo hình thức vay tín chấp, không có thế chấp tài sản.

Quá trình sau khi vay, bà T3 đã trả được 16 kỳ với tổng số tiền 23.487.717 đồng (trả gốc 20.000.000 đồng, trả lãi 3.487.717 đồng); từ ngày 17-6-2022 bà T3 ngưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà T3 thanh toán số tiền vốn gốc 40.000.000 đồng, tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 25-5-2023 là 4.667.107 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14989967/HĐTD ngày 25-01-2021 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2021/14989967/HĐTD ngày 25-01-2021 (bản photo có đóng dấu treo); sổ hộ khẩu tên chủ hộ Trịnh Đăng K (bản photo) cùng các tài liệu, giấy tờ khác có liên quan trong hồ sơ vụ án.

- Bị đơn bà Hồ Như T3 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa công bố các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình chuẩn bị xét xử, bảng kê tính lãi đến ngày 22-4-2025 của nguyên đơn. Theo đó, đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Như T3 trả số tiền tính đến ngày 22-4-2025 là 53.217.706 đồng, trong đó: nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 12.059.367 đồng, nợ lãi quá hạn 968.388 đồng, nợ lãi chậm trả 189.951 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14989967/HĐTD ngày 25-01-2021 cho đến khi trả hết nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Hồ Như T3.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hồ Như T3 có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ. Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng. Bị đơn không có đăng ký kinh doanh, vay tiền với mục đích tiêu dùng nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bà T3 đang cư trú trên địa bàn thành phố L nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2021/14989967/HĐTD ngày 25-01-2021 giữa Ngân hàng với bà Hồ Như T3 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2021/14989967/HĐTD ngày 25-01-2021, bà T3 được Ngân hàng giải ngân số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi vay cho đến ngày 17-6-2022, T3 đã trả cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, trả lãi 3.487.717 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ban hành Thông báo số 1437/2024/TB-TA ngày 16-12-2024 về việc yêu cầu bà T3 cung cấp lời khai và giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T3 không thực hiện nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do bà T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T3 trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà T3 trả cho Ngân hàng số tiền 53.217.706 đồng, trong đó: nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 12.059.367 đồng, nợ lãi quá hạn 968.388 đồng, nợ lãi chậm trả 189.951 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Hồ Như T3 phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 đối với bà Hồ Như T3 về việc trả số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả.

Buộc bà Hồ Như T3 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B) - Chi nhánh A - Phòng G đại diện) nhận số tiền tổng cộng vốn, lãi tính đến ngày 22-4-2025 là 53.217.706 đồng (Năm mươi ba triệu, hai trăm mười bảy nghìn, bảy trăm lẻ sáu đồng), trong đó: nợ gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 12.059.367 đồng (Mười hai triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn 968.388 đồng (Chín trăm sáu mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi

tám đồng), nợ lãi chậm trả 189.951 đồng (Một trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm năm mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22-4-2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2021/14989967/HĐTD ngày 25-01-2021. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B) - Chi nhánh A - Phòng G đại diện) được nhận lại 1.125.000 (Một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001802 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Hồ Như T3 phải chịu 2.660.885 đồng (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung